

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-PT

Ngày: 15-02-2023

*V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất; Yêu cầu hủy quyết định cá
biệt của cơ quan, tổ chức và yêu
cầu mở lối đi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2022/TLDS-PT ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức và yêu cầu mở lối đi*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 323/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn T, xã TH, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1971; bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn L, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện LH. Trụ sở: Thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Sỹ B - Chức vụ Chủ tịch

UBND huyện LH. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh A - Chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện LH (*Văn bản ủy quyền lập ngày 01/11/2021*).

3.2. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1974; ông Ngô Tự Đ (*đã chết*). Địa chỉ: Thôn L, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Tự Đ:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; anh Ngô Bá T1, sinh năm 1994; anh Ngô Bá Q, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: Thôn L, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th; bà Nguyễn Thị Th; Quyết định kháng nghị số 16/QĐ-VKS-DS ngày 18/10/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà.

(Bà T, ông Th, bà Th có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Diện tích đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 08 (*đo đạc năm 1998*) nay thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ số 07 (*đo đạc năm 2012*), xã TH, huyện Lâm Hà thuộc quyền sử dụng của bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*cấp đổi*) số hiệu CA 214408 ngày 29/5/2015 (*sau đây viết tắt Giấy chứng nhận*) có nguồn gốc do gia đình bà khai phá năm 1989.

Đề đi từ đường chính (*đường nhựa*) vào thửa đất số 199, tại vị trí bên cạnh thửa 292, 272; giữa hai thửa 237, 254 của vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th có đường đi chung rộng 3m; trong đó các chủ sử dụng đất các thửa 292, 272 đều thừa nhận là đường đi. Tuy nhiên, khi đến thửa 237, 254 của vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th lại không thừa nhận.

Nguồn gốc thửa số 254, tờ bản đồ số 07 (*đo đạc năm 2012*) (*thửa cũ là 259 bản đồ số 08 đo đạc năm 1998*) của vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th là do nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Tr nên tại thời điểm năm 2009 bà Nguyễn Thị Tr thống nhất diện tích đất sử dụng chung làm đường đi. Tuy nhiên, diện tích đất sử dụng chung làm đường đi này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Nguyễn Thị Tr nhưng sau khi hòa giải tại xã TH và thống nhất thì chưa được điều chỉnh diện tích đất sử dụng chung làm đường đi theo quy định tại Điều 135 Luật đất đai năm 2003, dẫn đến khi bà Nguyễn Thị Tr chuyển nhượng thửa 254 cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th trong đó có diện tích đất sử dụng chung làm đường đi từ trước đến nay.

Nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xác định diện tích đất chiều rộng 3m, chiều dài 111m, từ vị trí đầu thửa 254 đến cuối thửa này và giáp thửa đất số 199, theo kết quả đo đạc tại Họa đồ trích đo thửa đất theo hiện trạng sử dụng được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà thực hiện ngày 16/12/2019 là đất sử dụng chung làm đường đi chung.

Do diện tích đất sử dụng chung làm đường đi này đã cấp giấy chứng nhận đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th nên bà đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Theo lời khai, lời trình bày của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th trình bày: Vào khoảng năm 2010, vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng diện tích đất thửa số 259, tờ bản đồ số 08 (đo đạc năm 1998) nay thuộc thửa số 254, tờ bản đồ số 07 (đo đạc năm 2012), xã TH, huyện Lâm Hà của bà Nguyễn Thị Tr (hiện bà Tr không còn ở địa phương và chuyển đi đâu không biết). Việc nhận chuyển nhượng đã thực hiện thủ tục và đăng ký biến động theo quy định và hiện đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên cho vợ chồng ông bà theo quy định.

Tại thời điểm chuyển nhượng, vị trí đất hiện nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện trước đây chỉ là lối đi nhỏ (lối mòn) bà Nguyễn Thị T đi nhờ vào thửa đất số 199; vợ chồng ông bà cũng sử dụng cùng đi xuống vườn, xình; trên bản đồ địa chính, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà được cấp cũng không thể hiện có con đường này. Ngoài ra, khi bà Nguyễn Thị Tr chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông bà thì bà Nguyễn Thị Tr không hề trao đổi về thửa Th giữa bà Nguyễn Thị Tr và bà Nguyễn Thị T về diện tích đất sử dụng chung làm đường đi vào năm 2009.

Nay vợ chồng ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu xác định diện tích đất sử dụng chung làm đường đi nêu trên. Tuy nhiên, ông bà chấp nhận đường đi chung rộng 2m, chiều dài 111m nhưng bà Nguyễn Thị T phải đổi diện tích đất thuộc thửa đất số 199 của bà T, tương ứng $\frac{1}{2}$ đất đường đi chung tại vị trí giáp với thửa 254 của vợ chồng ông bà.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

3.1. Ủy ban nhân dân huyện LH trình bày: Theo bản đồ địa chính số 08 (đo đạc năm 1998) và nay là bản đồ số 07 (đo đạc năm 2012), xã TH thì vị trí đất tranh chấp không thể hiện đường đi chung. Diện tích đất thuộc thửa 259, tờ bản đồ số 08 (đo đạc năm 1998) đã được cấp Giấy chứng nhận đứng tên bà Nguyễn Thị Tr theo quy định.

Năm 2009, giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Tr tranh chấp diện tích đất sử dụng chung làm đường đi. Do vậy, ngày 15/9/2009, UBND xã TH đã lập biên bản xác minh hiện trạng thửa đất bà Tr đang sử dụng. Theo nội dung biên bản thể hiện “*bà T và bà Tr đã thống nhất mở rộng con đường đi có chiều rộng 3m để làm đường đi chung, trên đất có một số cây cà phê kinh doanh do bà Tr trồng, khi nào mở đường đi rộng 3m thì bà Nguyễn Thị Tr sẽ phá bỏ cà phê và không yêu cầu bồi thường về cây trồng và công chăm sóc*”. Biên bản này thay thế cho biên bản hòa giải thành nhưng sau đó UBND xã TH không báo cáo cho UBND huyện Lâm Hà để điều chỉnh theo quy định Điều 135 Luật đất đai năm 2003.

Việc bà Nguyễn Thị Tr chuyển nhượng thửa số 259, tờ bản đồ số 08 (đo đạc năm 1998) xã TH cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th (Hợp đồng số 455, quyển 01/2010/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/11/2010 của UBND xã TH), sau đó đã được đăng ký biến động; vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th đã được cấp Giấy chứng nhận số hiệu BC 835846 tháng 11/2010 theo quy định.

Vào năm 2014, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khiếu nại đối với vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th về diện tích đất sử dụng chung làm đường đi chung; UBND xã TH tiến hành cắm mốc theo thỏa Th bà Nguyễn Thị Tr và bà Nguyễn Thị T trước đây (thông báo số 64/TB-UBND ngày 03/12/2014) nhưng không được vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th chấp nhận và dẫn đến tranh chấp hiện nay. Do vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.2. Bà Nguyễn Thị Tr; ông Ngô Tự Đ (đã chết) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ là bà Tr và 02 con là Ngô Bá T1 và Ngô Bá Q đã chuyển đi nơi khác sinh sống và không để lại địa chỉ; đã xác minh nơi cư trú hiện nay của bà Nguyễn Thị Tr, anh T1 và anh Q nhưng không ai biết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 82/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất làm lối đi chung và yêu cầu mở lối đi*” đối với vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th.

Công nhận diện tích đất sử dụng làm đường đi chung là 310m² (Trong đó, có diện tích đất 277m² thuộc đường theo tờ bản đồ địa chính năm 2012 xã TH và diện tích đất 34m² thuộc một phần thửa 254; thửa cũ là 259, tờ bản đồ số 08 xã TH, huyện Lâm Hà, đo đạc năm 1998), có chiều rộng 3m, chiều dài nối từ vị trí

tiếp giáp giữa các thửa 290, 254 và 237 đến vị trí tiếp giáp giữa các thửa 245, 199 và 237 (chiều dài 2 cạnh: 1 cạnh dài 53,1m + 9,4m + 41,4m và 1 cạnh dài là 29,9m + 22,4m + 8,8m + 40,5m), thuộc tờ bản đồ số 07 (đo đạc năm 2012), tọa lạc tại thôn L, xã TH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (Kích thước cụ thể theo Hòa đồ trích đo thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 16/12/2019 và Hòa đồ trích đo thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 29/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà bổ sung cho hòa đồ đo đạc ngày 16/12/2019 kèm theo). Đồng thời buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th số tiền 30.465.750đ (Ba mươi triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng) giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Buộc vợ chồng ông Th, bà Th phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, cây trồng trên phần diện tích đất lối đi có kích thước nêu trên để trả lại diện tích đất làm lối đi chung.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với hiện trạng thực tế sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BC 835846 do UBND huyện Lâm Hà cấp ngày 16/11/2010 đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th đối với diện tích đất thuộc một phần thửa số 259, tờ bản đồ số 08, xã TH, huyện Lâm Hà của bà Nguyễn Thị T.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 2.574.000 đồng tiền chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 375.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001164 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 10/10/2022, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th; bà Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng vợ chồng ông Th, bà Th chỉ đồng ý mở lối đi chung có chiều rộng

2m, chiều dài 111m nhưng bà T phải đổi diện tích đất thuộc thửa 199 của bà T tương ứng với $\frac{1}{2}$ đất đường đi chung tại vị trí giáp với thửa 254 của vợ chồng ông bà. Trong trường hợp bà T không đồng ý đổi đất thì phải thanh toán cho vợ chồng ông Th, bà Th giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giá trị thị trường hiện nay.

Quyết định kháng nghị số 16/QĐ-VKS-DS ngày 18/10/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Lâm Đồng; chấp nhận kháng cáo của ông Th, bà Th. Căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân Th; bà Nguyễn Thị Th thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 279, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tuân thủ đúng quy định tại các Điều 278, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và kháng cáo của ông Nguyễn Xuân Th; bà Nguyễn Thị Th thì thấy rằng:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2018 và ngày 12/3/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T kiện bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Bà T yêu cầu vợ chồng ông Th, bà Th phải trả lại con đường đi chung có chiều rộng 3m, dài 111m thuộc một phần thửa 259, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa 254, tờ bản đồ số 7)

xã TH, huyện Lâm Hà đã được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Th, bà Th. Ngày 30/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã thụ lý vụ án để giải quyết. Đến ngày 29/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 28/2018/QĐST-DS với lý do nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng khác theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Không đồng ý với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án bà T kháng cáo. Ngày 15/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 16/2018/QĐ-PT về việc không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà (*Bút lục 04*).

Ngày 14/3/2019, bà Nguyễn Thị T có Đơn khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th với nội dung “*Yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th trả lại con đường đi chung có chiều rộng 3m, dài 111m thuộc một phần thửa 259, tờ bản đồ số 8, tọa lạc thôn L, xã TH, huyện Lâm Hà*”.

Xét: Nội dung khởi kiện của bà T đối với ông Th, bà Th trước đây đã được Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà thụ lý nhưng sau đó đình chỉ giải quyết với lý do bà T không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 218 BLTTDS năm 2015 quy định về hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự “*Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật*”.

Tại Mục 5 Phần IV Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vướng mắc trong xét xử đã hướng dẫn “... *trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự vì lý do nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác thì nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa giải quyết tiếp vụ án...*”

Như vậy: Việc bà T khởi kiện lại vụ án nhưng nội dung không có gì khác với vụ án trước đây Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã thụ lý và ra quyết định đình chỉ. Do đó, bà T không có quyền khởi kiện lại. Lẽ ra khi nhận đơn khởi kiện lại của bà T, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà trả lại đơn khởi kiện cho bà T theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà khi thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định thêm quan hệ

tranh chấp yêu cầu mở lối đi trong khi các đương sự không có yêu cầu này để tiếp tục thụ lý, xét xử và ra bản án là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định trên cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 và khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị T phải chịu chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản số tiền 5.148.000 đồng.

[4] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm, nên ông Th, bà Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th, bà Nguyễn Thị Th.

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Lâm Hà và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.148.000 đồng tiền chi phí cho việc đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền này bà T đã nộp đủ và đã quyết toán xong.

3. Về án phí: Hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân Th số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010798 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010827 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí là 375.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001164 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND H. Lâm Hà (02);
- Chi cục THADS H. Lâm Hà;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (07);
- Lưu AV – HS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân